

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/DS-ST
Ngày: 13 – 3 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lên;
2. Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường tham gia phiên tòa: Trần Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2023/TLST-DS, ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXX-ST ngày 26/12/2023 và quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1956, có mặt.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

- Ông Trần Văn Q, sinh năm 1969, vắng mặt.

- Bà Trần Thị T1, sinh năm 1967, vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1964, có mặt.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

- Bà Trần Ái T2, sinh năm 2001, vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trung T và phần trình bày của ông T trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Ông Nguyễn Trung T là chủ hộ kinh doanh với ngành nghề mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống, lúa gạo tại ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Long An. Ông T có nhiều lần bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cho vợ chồng ông Trần Văn Q, bà Trần Thị T1. Ông Q và bà T1 đã thanh toán một phần nợ, còn một phần nợ tính đến nay chưa thanh toán là 220.204.000 đồng, cụ thể:

Nợ mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trước ngày 14/5/2022 là 106.834.000 đồng, trong sổ theo dõi có bà T1 ký tên chốt nợ vào ngày 14/5/2022.

Nợ mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật từ ngày 13/5/2022 là 113.370.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 13/5/2022 vợ chồng ông Q bà T1 mua phân bón 27.880.000 đồng;
- Ngày 25/6/2022 ông Q, bà T1 mua phân bón số tiền nợ 10.500.000 đồng;
- Ngày 14/5/2022 mua thuốc bảo vệ thực vật số tiền 1.350.000 đồng (ông Q gọi điện sau đó con của ông Q là cháu T2 trực tiếp đến lấy thuốc);
- Ngày 22/5/2022 ông Q, bà T1 mua thuốc bảo vệ thực vật số tiền 3.190.000 đồng;
- Ngày 25/6/2022 ông Q và bà T1 mua thuốc bảo vệ thực vật số tiền 3.460.000 đồng;
- Ngày 04/7/2022 ông Q, bà T1 mua thuốc bảo vệ thực vật là 4.440.000 đồng;
- Ngày 14/8/2022 ông Q, bà T1 mua thuốc bảo vệ thực vật là 1.260.000 đồng.
- Nợ mua phân bón thuốc bảo vệ thực vật vụ đông xuân năm 2022 tính đến ngày 11/12/2022 là 61.290.000 đồng (gồm khoản nợ mua thuốc bảo vệ thực vật là 24.590.000 đồng + nợ mua phân bón là 36.700.000 đồng).

Như vậy, tổng số tiền ông Q, bà T1 nợ là 106.834.000 đồng + 113.370.000 đồng = 220.204.000 đồng.

Chi tiết về việc mua bán và số tiền nợ nêu trên do bà Huỳnh Thị H (vợ ông T) viết trong sổ theo dõi, mỗi bên giữ một sổ.

Theo đơn khởi kiện ông T yêu cầu ông Trần Văn Q và vợ là bà Trần Thị T1 liên đới trả số tiền nợ gốc là 220.204.000 đồng và lãi tạm tính từ ngày 14/5/2022 đến ngày 19/5/2023 là 44.473.867 đồng. Tuy nhiên, nay ông T thay đổi như sau: Ông T yêu cầu ông Q và bà T1 liên đới trả số tiền nợ gốc là 220.204.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 11/12/2022 (là ngày ông Q, bà T1 mua hàng lần cuối) đến ngày xét xử theo lãi suất là 0,83%/tháng, thành tiền 27.415.000 đồng. Ông T không có tranh chấp gì với cháu T2 là con của ông Q, bà T1.

Bị đơn ông Trần Văn Q, bà Trần Thị T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Ái T2 vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H trình bày: Bà Huỳnh Thị H là vợ của ông Nguyễn Trung T, sổ ghi chép việc mua bán phân thuốc cho ông Trần Văn Q, bà Trần Thị T1 do bà H ghi. Ông T là chủ hộ kinh doanh mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật từ nguồn vốn kinh tế chung của vợ chồng. Bà H thống nhất với ý kiến

yêu cầu của ông T, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi vụ án được thụ lý đến trước khi xét xử cũng như tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Q, bà T1, bà T2 đã được cấp, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các ông bà nêu trên là đúng quy định.

Về nội dung: Ông T yêu cầu ông Q và bà T1 liên đới trả 220.204.000 đồng tiền nợ mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật là tiền lãi tính theo lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày mua hàng cuối cùng 11/12/2022 đến nay xét xử là có cơ sở vì căn cứ sổ mua hàng do nguyên đơn cung cấp thể hiện số tiền nợ gốc nêu trên, tại phiên tòa nguyên đơn trình bày quá trình mua bán các bên có thỏa thuận miệng tiền lãi. Ông Q và bà T1 đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó căn cứ các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Trung T khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn Q và bà Trần Thị T1 có địa chỉ cư trú tại xã T, thị xã K trả tiền nợ mua bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường.

[2] Về tố tụng:

Về phạm vi khởi kiện: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông T yêu cầu ông Q, bà T1 liên đới thanh toán tiền nợ mua bán 220.204.000 đồng và tiền lãi 44.473.867 đồng. Sau đó ông T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi là 27.415.000 đồng tiền lãi. Căn cứ Điều 5, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự việc thay đổi trên không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử xem xét trong phạm vi yêu cầu của nguyên đơn.

Các đương sự là ông Trần Văn Q, bà Trần Thị T1, bà Trần Ái T2 vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các ông bà nêu trên theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ông Nguyễn Trung T khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn Q, bà Trần Thị T1 liên đới trả tiền nợ mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật là 220.204.000 đồng và tiền lãi 27.415.000 đồng được tính theo lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 11/12/2022 đến ngày xét xử; ông T cung cấp sổ sách mua bán, bà T1 có ký xác nhận phần chót nợ cũ vào ngày 14/5/2022 là 106.834.000 đồng. Bị đơn ông Q, bà T1 không có ý kiến trình bày. Bà H là

vợ của ông T trình bày quá trình mua bán, sổ sách theo dõi là do bà ghi; bà H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông T. Bà Trần Ái T2 vắng mặt không có ý kiến trình bày.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, ông Q, bà T1, bà T2 đã được cấp, tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Thông báo số 125/2023/TBCCCC của Tòa án yêu cầu ông Q, bà T1 có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của ông T và cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình. Tuy nhiên, đến nay ông Q và bà T1 không có ý kiến trình bày và cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Như vậy ông Q và bà T1 đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định.

[3.3] Về tranh chấp tiền nợ mua bán: Căn cứ chứng cứ mà ông T cung cấp là sổ theo dõi mua bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, trong đó ngày 14/5/2022 thể hiện số tiền nợ cũ là 106.834.000 đồng có bà Trần Thị T1 ký xác nhận. Đối với số nợ mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật từ tháng 05/2022 đến ngày 11/12/2022 là 113.370.000 đồng được ghi chi tiết từng lần mua và số tiền cụ thể. Mặc dù không có chữ ký xác nhận của bên mua là ông Q, bà T1 tuy nhiên từ khi ông T khởi kiện đến nay ông Q, bà T1 không có ý kiến phản đối, không cung cấp chứng cứ. Căn cứ tài liệu nguyên đơn cung cấp là bản sao giấy chứng nhận kết hôn thể hiện ông Trần Văn Q và bà Trần Thị T1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 11/6/2001 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T. Căn cứ tài liệu mà Tòa án thu thập tại Công an xã T về nơi cư trú của ông Q, bà T1 trước khi chuyển về xã T là tại xã V, huyện T. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu ông Q, bà T1 liên đới thanh toán số tiền nợ mua bán 220.204.000 đồng là có căn cứ theo các Điều 288, 430, 440 Bộ luật Dân sự; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.4] Về tiền lãi: Ông T và bà H trình bày khi mua bán các bên có thỏa thuận miệng tiền lãi. Nay ông T chỉ yêu cầu tính theo lãi suất 0,83%/tháng là đúng quy định Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự. Ông T yêu cầu tính lãi kể từ ngày 11/12/2022 là ngày mua bán cuối cùng giữa hai bên cho đến ngày xét xử (làm tròn là 15 tháng) là có lợi cho ông Q, bà T1 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy số tiền lãi ông Q, bà T1 có nghĩa vụ trả là $220.204.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng} = 27.415.000 \text{ đồng}$.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung T về tranh chấp hợp đồng mua bán với ông Trần Văn Q, bà Trần Thị T1. Buộc ông Q và bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả ông T số tiền nợ gốc 220.204.000 đồng và tiền lãi 27.415.000 đồng.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông Trần Văn Q, bà Trần Thị T1 có nghĩa vụ nộp tiền án phí. Ông T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 288, 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung T về tranh chấp hợp đồng mua bán với ông Trần Văn Q và bà Trần Thị T1 .

Buộc ông Trần Văn Q và bà Trần Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Trung T số tiền nợ gốc 220.204.000 đồng và tiền lãi 27.415.000 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi là 247.619.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm mười chín nghìn đồng).

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Trần Văn Q và bà Trần Thị T1 có nghĩa vụ liên đới nộp 12.381.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Trung T đã được miễn nộp tạm ứng án phí và không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Trung T, bà Huỳnh Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn Q, bà Trần Thị T1, bà Trần Ái T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Tuyết Nhung